

Số: 130/ĐA-UBND

An Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2025

ĐỀ ÁN

Thành lập Sở Nội vụ tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ

Phần I

SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Trên cơ sở đánh giá thực trạng về tổ chức bộ máy, những hạn chế, khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục thực hiện sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy đồng bộ, giảm bớt đầu mối, quy mô các phòng bên trong cho phù hợp, chức năng, nhiệm vụ không rời rạc, không trùng lặp, không chồng chéo; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở, sự chuyên môn hóa trong công tác tham mưu; gắn với tinh giản biên chế công chức, xây dựng đội ngũ công chức có phẩm chất chính trị đạo đức, trình độ, năng lực.

Việc thành lập Sở Nội vụ tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ là cần thiết, theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo theo quy định.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Kế hoạch số 210-KH/TU, ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tỉnh An Giang;

Căn cứ Kết luận số 250-KL/TU, ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về điều chỉnh Kế hoạch định hướng và cho ý kiến các dự thảo đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tỉnh An Giang;

Thông báo số 725-TB/TU ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Tỉnh ủy kết luận hội nghị chuyên đề Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI.

Phần II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG

I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN; CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH

1. Sở lao động - Thương binh và Xã hội

1.1. Tổ chức bộ máy, biên chế

1.1.1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo Sở: 04 người, gồm Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

- Phòng chuyên môn nghiệp vụ: 09 phòng, gồm:

(1) Phòng Lao động - Việc làm;

(2) Phòng Người có công (Tổ quản trang nghĩa trang liệt sĩ tỉnh thuộc Phòng Người có công).

(3) Phòng Bảo trợ xã hội;

(4) Phòng Trẻ em - Bình đẳng giới;

- (5) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
 (6) Thanh tra Sở;
 (7) Văn phòng Sở;
 (8) Phòng Giáo dục nghề nghiệp;
 (9) Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội;
 - Đơn vị sự nghiệp công lập gồm: 07 đơn vị
 (1) Trường Trung cấp Kỹ thuật - Tổng hợp An Giang;
 (2) Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang;
 (3) Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú An Giang;
 (4) Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh An Giang;
 (5) Trung tâm Bảo trợ xã hội;
 (6) Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh An Giang;
 (7) Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh An Giang.

1.1.2. Biên chế

Căn cứ Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025 và Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh năm 2025, trong đó:

- Biên chế công chức giao trong năm 2025: 56 biên chế, có mặt 52 công chức và 04 hợp đồng lao động.

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao trong năm 2025: 476 người (435 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 41 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp), hiện có mặt 413 người (412 hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 01 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) và 72 hợp đồng lao động.

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Biên chế công chức/số lượng người làm việc được giao			Biên chế công chức/người làm việc có mặt tại thời điểm			Lãnh đạo		Ghi chú
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2020/NĐ-CP	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2020/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	
I	Khối hành chính (1+2)	56			52		4	10	11	

1	Lãnh đạo Sở	4		4		1	3	
2	Văn phòng Sở	8		8	4	1	2	
3	Thanh tra sở	5		4		1	0	
4	Phòng Kế hoạch – Tài chính	7		6		1	1	
5	Phòng Bảo trợ xã hội	6		5		1	0	
6	Phòng Người có công	6		6		1	1	
7	Phòng Lao động – Việc làm	5		5		1	1	
8	Phòng Giáo dục nghề nghiệp	5		4		1	1	
9	Phòng Trẻ em – Bình đẳng giới	5		5		1	1	
10	Phòng phòng, chống tệ nạn xã hội	5		5		1	1	
II	Đơn vị sự nghiệp công lập	435	41	412	1	72	7	11
1	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Tổng hợp	125	11	122		15	1	2
2	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ	41	3	39		4	1	1
3	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú	71		67		2	1	2
4	Trung tâm Bảo trợ xã hội	38		31		18	1	1
5	Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ BTTE	15		12		3	1	1
6	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	129		125		4	1	2
7	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh An Giang	16	27	16	1	26	1	2
Tổng cộng = I + II		491	41	464	1	76	17	22

1.2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm); bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phòng Lao động -

Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Điều 2 Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.3. Cơ sở vật chất, tài chính

1.3.1. Cơ sở vật chất

- Trụ sở làm việc của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Số 97, đường Trần Quang Diệu, khóm Tây Khánh 1, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trường Trung cấp Kỹ thuật - Tổng hợp An Giang:

+ Trụ sở chính: đường Mậu Thân, khóm Châu Long 8, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

+ Cơ sở 2: số 297, khóm Vĩnh Phú, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

+ Cơ sở 3: số 01, khóm Võ Văn Tần, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang:

+ Trụ sở chính: Số 42, Lộ Vòng cung, ấp Mỹ Hòa, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

+ Cơ sở 2: Khóm Thị, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú An Giang: ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm Dịch vụ việc làm hiện tại: số 77, đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm Bảo trợ xã hội: Số 02 Trần Khắc Chung, khóm Đông Hưng, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh An Giang: Số 65, đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh An Giang: ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Hiện trạng trang thiết bị, phương tiện làm việc, gồm: Máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy in, máy photo, máy scan, máy chiếu, bàn, ghế làm việc, máy lạnh và tài sản khác.

1.3.2. Tài chính

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định

số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của chính phủ; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính.

Đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp hàng năm; nguồn thu phí, lệ phí; nguồn thu dịch vụ, sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ

2.1. Tổ chức bộ máy, biên chế

2.1.1. Tổ chức bộ máy

a) Lãnh đạo Sở: gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

b) Phòng chuyên môn; Chi cục và tương đương: 08 đơn vị.

(1) Phòng công chức, viên chức;

(2) Phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức phi chính phủ;

(3) Phòng Cải cách hành chính và Xây dựng chính quyền;

(4) Văn phòng Sở;

(5) Thanh tra Sở;

(6) Chi cục Văn thư - Lưu trữ;

(7) Ban Thi đua - Khen thưởng;

(8) Ban Tôn giáo;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập: 01 đơn vị là Trung tâm Lưu trữ lịch sử trực thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ.

2.1.2. Biên chế

Căn cứ Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025 và Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh năm 2025, trong đó:

- Biên chế công chức giao trong năm 2025: 74 biên chế (*có mặt: 69 công chức và 05 hợp đồng lao động*).

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2025: 15 biên chế, có mặt là 14 người (*hưởng lương từ ngân sách nhà nước*) và 02 hợp đồng lao động.

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Biên chế công chức/số lượng người làm việc được giao			Biên chế có mặt tại thời điểm			Lãnh đạo		Ghi chú
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2020/NĐ-CP	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2020/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	
I	Khối hành chính (1+2)	74			69		5	9	11	
1	Lãnh đạo Sở	4			3			1	2	
2	Phòng chuyên môn và trưng bày									
2.1	Văn phòng Sở	8			6		3	1	1	
2.2	Thanh tra sở	5			4			1	1	
2.3	Phòng Công chức, Viên chức	6			6			1	1	
2.4	Phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức phi chính phủ	5			5			1	1	
2.5	Phòng Cải cách hành chính và Xây dựng chính quyền	8			8			1	2	
2.6	Ban Thi đua – Khen thưởng	13			13			1	1	
2.7	Ban Tôn giáo	13			13		1	1	1	
2.8	Chi cục Văn thư – Lưu trữ	12			11		1	1	1	
II	Đơn vị sự nghiệp công lập	15			14		2	1		
1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	15			14		2	1	0	
Tổng cộng = I + II		89			83		7	10	11	

2.2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

2.2.1. Vị trí, chức năng

Sở Nội vụ tỉnh An Giang là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ

cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tín ngưỡng, tôn giáo; thanh niên; thi đua, khen thưởng.

Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nội vụ.

2.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Điều 4 Quyết định số 61/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ.

2.3. Cơ sở vật chất, tài chính

2.3.1. Cơ sở vật chất

- Trụ sở làm việc của Sở Nội vụ: Số 89, đường Trần Quang Diệu, khóm Tây Khánh 1, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh: Số 267, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hiện trạng trang thiết bị, phương tiện làm việc, gồm: Máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy in, máy photo, máy scan, máy chiếu, bàn, ghế làm việc, máy lạnh và tài sản khác.

2.3.2. Tài chính

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính.

Đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp hàng năm; nguồn thu phí, lệ phí; nguồn thu dịch vụ, sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

II. HOẠT ĐỘNG

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1.1. Kết quả đạt được

Với vai trò là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, trong những năm qua, ngành Lao động – Thương binh và Xã hội đã thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lao động, người có công và xã hội tại địa phương, hằng năm được cấp thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc tương đối ổn định, đảm bảo hoàn thành tốt khối lượng công việc được giao.

Tuy tổ chức bộ máy ổn định đảm bảo hoạt động nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, một vài chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo, chưa cụ thể, thiếu đồng bộ; từ đó chưa phát huy hết năng suất, hiệu quả hoạt động.

2. Sở Nội vụ

Thời gian qua, Sở Nội vụ đã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác nội vụ ở địa phương, góp phần tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hằng năm được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn, Chi cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp có cơ cấu hợp lý, đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất, chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng tốt yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao.

Phần III

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ NỘI VỤ TỈNH AN GIANG TRÊN CƠ SỞ HỢP NHẤT SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI VÀ SỞ NỘI VỤ

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ

1. Mục tiêu

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giảm đầu mối,

giảm cấp trung gian; tổ chức hợp lý các sở đa ngành, đa lĩnh vực; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

Sắp xếp giảm 01 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; giảm 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (*từ 13 phòng còn 09 phòng*), trong đó có 02 phòng tương đồng chức năng nhiệm vụ (*Văn phòng Sở, Thanh tra Sở*) và giảm 02 phòng do sắp xếp tinh gọn bộ máy, tỷ lệ 30,77%. Chuyển 02 Chi cục thành phòng và giảm 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chi cục, tỷ lệ 100%; tổ chức lại 01 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục thành trực thuộc Sở.

2. Phạm vi, đối tượng quản lý

2.1. Phạm vi: Hoạt động theo ngành, lĩnh vực được phân công trong phạm vi tỉnh và theo quy định pháp luật.

2.2. Đối tượng quản lý: Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước của Sở.

II. LOẠI HÌNH VÀ TÊN GỌI

1. Loại hình: là cơ quan chuyên môn (*tổ chức hành chính*) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

2. Tên gọi: Sở Nội vụ tỉnh An Giang.

III. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG; NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Vị trí và chức năng

Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế, công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện nhiệm vụ lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội; bình đẳng giới theo Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (*sau khi có hướng dẫn mới, Sở sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mới theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương*).

3. Cơ cấu tổ chức

3.1. Lãnh đạo Sở: Giám đốc và các Phó Giám đốc.

3.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 09 phòng.

- (1) Văn phòng;
- (2) Thanh tra Sở;
- (3) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- (4) Phòng Tổ chức biên chế và Công chức viên chức;
- (5) Phòng Cải cách hành chính và Xây dựng chính quyền;
- (6) Phòng Văn thư - Lưu trữ;
- (7) Phòng Thi đua - Khen thưởng;
- (8) Phòng Người có công;
- (9) Phòng Lao động - Việc làm.

3.3. Đơn vị sự nghiệp công lập: 02 đơn vị.

- (1) Trung tâm Dịch vụ việc làm;
- (2) Trung tâm Lưu trữ lịch sử.

IV. BÁO CÁO GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ THÀNH LẬP TỔ CHỨC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Việc thành lập Sở Nội vụ tỉnh An Giang đảm bảo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Nghị định số 158/2018/NĐ-CP; bảo đảm không vượt khung số lượng tổ chức theo quy định của Chính phủ; có cơ sở pháp lý, đáp ứng các tiêu chí thành lập theo quy định của pháp luật; có phạm vi, đối tượng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực hoặc lĩnh vực quản lý nội bộ của tổ chức hành chính; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hành chính khác; loại hình và quy mô tổ chức hành chính được thành lập phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức và yêu cầu cải cách hành chính nhà nước.

Đáp ứng về cơ cấu tổ chức của sở theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP: tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở; tiêu chí thành lập Văn phòng thuộc sở; có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở; khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 05 biên chế công chức đối với phòng thuộc sở.

V. DỰ KIẾN VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU CÔNG CHỨC THEO NGẠCH, ĐẢM BẢO PHÙ HỢP VỚI CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN; TRỤ SỞ LÀM VIỆC, TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CẦN THIẾT ĐỂ ĐẢM BẢO CHO TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH HOẠT ĐỘNG SAU KHI THÀNH LẬP

1. Dự kiến vị trí việc làm

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ; Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở, số biên chế được cấp có thẩm quyền giao là 98 biên chế công chức, tổng số vị trí việc làm của Sở Nội vụ được xác định là 62 vị trí, cụ thể như sau:

- a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí;
- b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 22 vị trí;
- c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 29 vị trí.
- d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

2. Dự kiến biên chế

Dự kiến tổng biên chế Sở Nội vụ là 98 biên chế công chức (*nằm trong tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao*) và 06 hợp đồng lao động; Số lượng người làm việc 58 người (*31 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 27 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp*). Tùy tình hình thực tiễn, lộ trình tinh giản biên chế theo quy định, hằng năm Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành quyết định giao biên chế phù hợp, cụ thể như sau:

Stt	Tổ chức	Biên chế công chức/số lượng người làm việc giao năm 2025	Số người làm việc có mặt tại thời điểm			Phương án phân bổ biên chế sau hợp nhất			
			Số người làm việc có mặt	Lãnh đạo		Phân bổ biên chế sau hợp nhất	Lãnh đạo		Ghi chú
				Cấp trưởng	Cấp phó		Cấp trưởng	Cấp phó	
I. Khối hành chính									
1	Lãnh đạo Sở	8	7	2	5	7	1	3	Dư 1 GD và 2PGD

2	Phòng chuyên môn và tương đương								
2.1	Văn phòng sở (sáp nhập VP 2 Sở)	14	12	2	3	10	1	2	Dư 1CVP và 1PCVP
2.2	Thanh tra (sáp nhập Thanh tra 2 Sở)	9	8	2	1	8	1	2	Dư 1CTTra; Thiếu 1 Phó CTTra
2.3	Phòng Tổ chức biên chế và Công chức viên chức	12	11	2	2	15	1	3	Dư 1TP; Thiếu 1PTP
2.4	Phòng Cải cách hành chính và Xây dựng chính quyền	10	9	1	2	9	1	2	Giữ nguyên
2.5	Phòng Văn thư - Lưu trữ	12	11	1	1	10	1	2	Thiếu 1 PTP
2.6	Phòng Thi đua - Khen thưởng	13	13	1	1	12	1	2	Thiếu 1 PTP
2.7	Phòng Lao động - Việc làm	6	7	1	1	9	1	2	Thiếu 1 PTP
2.8	Phòng Người có công	7	7	1	1	9	1	2	Thiếu 1 PTP
2.9	Phòng Kế hoạch – Tài chính	7	5	1	1	9	1	2	Thiếu 1 PTP
II. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc		58	57	2	2	58		4	
1	Trung tâm lưu trữ lịch sử	15	14	1	0	15	1	2	Thiếu 2 phó Bổ sung thêm 2 biên chế (hưởng lương từ ngân sách) để đủ 17 biên chế bố trí 1 trưởng và từ 1 đến 2 phó
2	Trung tâm Dịch vụ - Việc làm	43	43	1	2	43	1	2	Giữ nguyên
Tổng cộng = I + II		156	147	16	20	156	12	26	

3. Cơ cấu công chức theo ngạch

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Căn cứ danh mục vị trí việc làm và số lượng biên chế công chức bố trí theo từng vị trí việc làm, Sở xác định tỷ lệ % công chức giữ ngạch chuyên viên chính, ngạch chuyên viên hoặc ngạch khác còn lại theo quy định (*trong đó tỷ lệ % công chức giữ ngạch chuyên viên chính không vượt quá 40% trong*

tổng số biên chế được giao, không bao gồm số biên chế đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý).

4. Trụ sở làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc

4.1. Trụ sở làm việc của Sở Nội vụ: Số 89, đường Trần Quang Diệu, khóm Tây Khánh 1, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh: Số 267, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm Dịch vụ việc làm: số 77, đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4.2. Trang thiết bị, phương tiện làm việc sau khi tổ chức lại: Sau khi sắp xếp tổ chức lại, căn cứ vào số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao sắp xếp, bố trí lại trang thiết bị, phương tiện làm việc phù hợp với quy định hiện hành và tiến hành thanh lý trang thiết bị, phương tiện làm việc hư hỏng. (đính kèm danh sách trang, thiết bị, phương tiện làm việc...).

5. Cơ chế tài chính

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính.

Đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp hàng năm; nguồn thu phí, lệ phí; nguồn thu dịch vụ, sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ

1. Phương án thành lập

Thành lập Sở Nội vụ trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ của 02 Sở trước khi hợp nhất; đồng thời có điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, biên chế.

Sau khi cấp có thẩm quyền ban hành Đề án và nghị quyết thành lập thì Sở tiến hành triển khai thực hiện công tác sắp xếp trụ sở, nhân sự, trang thiết bị để đưa cơ quan vào hoạt động ngay.

1.1. Phương án xử lý đối với tổ chức bộ máy

1.1.1. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Thực hiện chuyển giao về Sở Nông nghiệp và Môi trường các nội dung sau:

- Chuyển chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy tham mưu quản lý nhà nước về giảm nghèo về Sở Nông nghiệp và Môi trường, với tổng số 04 biên chế công chức.

- Chuyển giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ chuyên môn liên quan (*gồm hồ sơ, tài liệu đang lưu trữ, hồ sơ, tài liệu đang dùng*).

b) Thực hiện chuyển giao về Sở Giáo dục và Đào tạo các nội dung sau:

- Chuyển giao chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Trường Trung cấp kỹ thuật – Tổng hợp, Trường Trung cấp kỹ thuật – Công nghệ, Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú về Sở Giáo dục và Đào tạo, với tổng số 04 biên chế công chức, 228 biên chế viên chức và 21 hợp đồng lao động.

- Chuyển giao nguyên trạng trụ sở làm việc, đất đai, tài sản, tài chính.

- Chuyển giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ chuyên môn liên quan (*gồm hồ sơ, tài liệu đang lưu trữ, hồ sơ, tài liệu đang dùng*).

c) Thực hiện chuyển giao về Sở Y tế các nội dung sau:

- Chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực Bảo trợ xã hội; Trẻ em; Phòng, chống tệ nạn xã hội, với tổng số 11 biên chế công chức.

- Chuyển giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ chuyên môn liên quan (*gồm hồ sơ, tài liệu đang lưu trữ, hồ sơ, tài liệu đang dùng*).

d) Thực hiện chuyển giao về Công an tỉnh nội dung sau:

Chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh.

đ) Thực hiện chuyển giao về Sở Nội vụ các nội dung sau:

- Thực hiện chuyển giao chức năng, nhiệm vụ về lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội; bình đẳng giới (*Thực hiện theo Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND*).

- Thực hiện chuyển giao, sắp xếp 07 đơn vị và 37 biên chế công chức; 43 số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp (16 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 27 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) như sau:

+ Hợp nhất Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Văn phòng Sở Nội vụ.

+ Hợp nhất Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Thanh tra Sở Nội vụ.

+ Phòng Người có công và Tổ quản trang Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh.

- + Phòng Kế hoạch - Tài chính.
- + Phòng Lao động – Việc làm.
- + Phòng Trẻ em - Bình đẳng giới.
- + Trung tâm Dịch vụ việc làm (Đơn vị sự nghiệp công lập).

1.1.2. Đối với Sở Nội vụ

- Chuyển giao nguyên trạng toàn bộ chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy tham mưu quản lý nhà nước về công tác tín ngưỡng, tôn giáo và 13 biên chế từ Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ về Ban Dân tộc tỉnh, để thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Thực hiện theo Phương án chuyển giao của Sở Nội vụ (gồm cả tài sản, trang thiết bị phục vụ cho cá nhân đang làm việc).

1.2. Phương án xử lý về nhân sự

- Đối tượng thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc): Trước mắt, số lượng cấp phó của đơn vị sau sắp xếp, có thể cao hơn quy định. Tuy nhiên, Sở sẽ sắp xếp giảm số lượng cấp phó để bảo đảm đúng số lượng theo quy định chung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phê duyệt Đề án và thực hiện theo chủ trương của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với Trưởng, Phó trưởng phòng và tương đương trực thuộc sở thực hiện theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, quy định: *“Cán bộ, công chức, viên chức do sắp xếp tổ chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ bầu cử. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm hoặc nhiệm kỳ bầu cử còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng”*.

- Đối với nhân sự còn lại thuộc thẩm quyền của cơ quan sau khi thành lập thực hiện bố trí phù hợp với nhiệm vụ của công chức, viên chức đang đảm nhiệm trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức, trường hợp không còn nhiệm vụ thì có thể bố trí sang vị trí khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ hoặc giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

- Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

1.3. Phương án xử lý về tài chính, đất đai và các vấn đề khác

Việc xử lý tài sản, tài chính khi hợp nhất đối với cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Lộ trình triển khai hoạt động

Sau khi Đề án được ban hành, trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Nghị quyết thành lập có hiệu lực, Sở thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tiến hành thủ tục giao nộp các con dấu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Ban Thi đua - Khen thưởng cho cơ quan Công an theo quy định; xây dựng dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; thực hiện giao biên chế, số lượng người làm việc tại các phòng và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; thực hiện điều động, bổ nhiệm công chức, viên chức theo quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện:

+ Xây dựng đề án tổ chức lại và trình cấp có thẩm quyền quyết định (*trong thời gian Đề án được xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định đã được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt trước đó*).

+ Xây dựng dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, Đề án vị trí việc làm của các đơn vị và trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy; làm tốt công tác chính trị, tư tưởng cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

Khẩn trương triển khai thực hiện Đề án ngay sau khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực; thực hiện việc sử dụng, quản lý công chức theo vị trí việc làm; đồng thời đảm bảo việc thực hiện tinh giản biên chế theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở theo thủ tục rút gọn để đảm bảo sau khi được thành lập có thể hoạt động được ngay, không bị gián đoạn.

Chủ động xây dựng các Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Sắp xếp lại nhân sự cho phù hợp với vị trí việc làm, trình độ chuyên môn; đồng thời rà soát thực hiện tinh giản biên chế hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy; tổng hợp kết quả rà soát báo cáo về Sở Tư pháp đề xuất phương án xử lý.

Hướng dẫn, thẩm định quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; các Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo quy định.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển biên chế công chức, viên chức theo quy định.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định đối tượng đủ điều kiện thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

2. Sở Tư pháp

Hướng dẫn, thẩm định Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Tài nguyên và Môi trường; Ban Dân tộc; Công an tỉnh

Triển khai việc tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài sản, cơ sở vật chất, tài chính theo Đề án này.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở, ngành có liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền về phương án xử lý tài chính và tài sản của các cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật.

Đề án này thay thế Đề án số 95/ĐA-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Sở Nội vụ tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Mừng